hinelearn

Tải về miễn phí

JLPT N2 · CHẶNG 4–6

Luyện đọc hiểu *N2*

読

Đọc hai bài (統合理解) · Bài dài nêu chủ trương (主張理解) · Tìm thông tin (情報検索). 8 bài luyện theo đúng thứ tự khoá học, kèm mẹo làm bài, đáp án ở cuối tập.

8	38
bài luyện	câu

Mười tuần đếm ngược cùng Hine, năm thứ tư ở Tokyo, từ buổi đầu xem đề tới sáng ngày thi.

Lời giải từng câu, bản dịch và giọng đọc: **hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/**

TRƯỚC KHI LÀM

Luyện từng dạng, *rồi làm như thi thật*

1 **Luyện theo dạng**

Mỗi ngày một bài. Đọc mẹo của Hine trước, rồi làm. Dò đáp án ở cuối tập, ghi số câu đúng ở đầu bài.

2 **Xem lời giải trên web**

Mỗi câu sai có lời giải cho cả bốn lựa chọn, bản dịch, và câu chứa đáp án sáng lên trong bài đọc.

PHẦN	DẠNG	CÂU
① 文字・語彙 gợi ý 15 phút	Đọc chữ Hán	5
	Viết chữ Hán	5
	Ghép từ	5
	Chọn từ hợp câu	7
	Câu cùng nghĩa	5
	Cách dùng từ	5
② 文法 gợi ý 15 phút	Chọn mẫu ngữ pháp	12
	Câu ★	5
	Ngữ pháp đoạn văn	5
③ 読解 gợi ý 75 phút	Đoạn ngắn	5
	Bài vừa	9
	Đọc hai bài A, B	2
	Bài dài nêu chủ trương	3
	Tìm thông tin	2

PHIÊN ÂM

Như đề thật: 1003 chữ Hán N5, N4, N3 và N2 không có phiên âm, chữ ngoài N5, N4, N3, N2 có phiên âm nhỏ phía trên. Chữ khó có chú thích 注 dưới bài đọc.

CHIA 105 PHÚT CẢ TỜ ĐỀ

Chữ và từ vựng 15 phút, ngữ pháp 15 phút, giữ đủ 75 phút cho 21 câu đọc. Câu ★: ghép đủ câu trước, đếm ô sau.

Chặng 4 · Đọc hai bài (統合理解) ..... 2 bài

Chặng 5 · Bài dài nêu chủ trương (主張理解) ..... 4 bài

Chặng 6 · Tìm thông tin (情報検索) ..... 2 bài

Đáp án ..... Cuối tập

CHẶNG 4

Đọc hai bài (統合理解)

Bài 9	So sánh hai bài A và B	Bảng hai cột
Bài 10	Hai ý kiến trái chiều	Kiểm từng nửa của lựa chọn

BÀI 9 · ĐỌC HAI BÀI A, B

So sánh hai bài A và B

6 câu · khoảng 22 phút

Đúng ___/6

Mẹo của Hine · Bảng hai cột

Dạng đọc tổng hợp cho hai bài ngắn về cùng một chủ đề và hỏi hai câu: điểm chung, và chỗ khác. Lựa chọn sai ở đây rất ít khi sai với cả hai bài — nó đúng với MỘT bài. Bảng hai cột cho bạn kiểm từng lựa chọn bằng mắt.

1. Kẻ bảng hai cột trước khi đọc; mỗi bài ghi 2–3 ý.
2. Câu hỏi "điểm chung": loại ngay lựa chọn chỉ có trong một bài.

Bài A Bài A của cặp 1: một người dân Kyoto viết trên báo về chuyện khách du lịch quá đông.

京都には、一年中観光客が押し寄せる。朝のバスは観光客でいっぱいになり、通勤や通学の住民が乗れないことも珍しくない。道に座って食べたり、家の庭に入って写真を撮(と)ったりする人もいて、住民の不満は高まっている。

観光客の増加は町の経済を支えてきたが、住民の暮らしを犠牲(ぎせい)にしてまで続けるべきものではない。人気の寺(てら)や通りには予約制を取り入れ、一日に入れる人数を決めるべきだ。観光客を減らすのではなく、時間と場所を分けて迎えることが、住民と観光の両方を守ることになる。

Bài B Bài B của cặp 1: một người sống ở thị trấn nhỏ trên núi viết về chuyện đón khách.

わたしの住む山あいの町には、有名な寺(てら)も温泉もない。それでも最近、古い農家(のうか)に泊まる体験が外国人に人気で、少しずつ観光客が来るようになった。人口が減り続ける町にとって、外からの客はありがたい存在だ。

ただ、京都のように急に人が増えすぎれば、静かな暮らしを求めて住んでいる人が困るだろう。観光客の増加は、喜ぶだけでなく、町として考えておくべき問題である。わたしたちは、住民が案内役になる少人数のツアーだけを受け入れ、町の人が納得(なっとく)できる速さで客を増やしていきたい。

1 Aの筆者は、どうすればよいと考えているか。

1 観光客の数を、できるだけ減らす
2 住民がバスに乗るのをやめる
3 観光客に、町の経済をもっと支えてもらう
4 来る人の時間と場所を分けて受け入れる

2 AとBで共通して述べられていることは何か。

1 観光客が増えることは、住民の暮らしにかかわる問題だ
2 観光客は、町の経済のためにもっと増やすべきだ
3 人気の場所には、予約制を取り入れるべきだ
4 住民が観光客を案内するツアーを作るべきだ

---

3 AとBの違いについて、正しいものはどれか。

1 Aは観光客を減らすべきだと考え、Bは増やすべきだと考えている
2 Aは住民の暮らしを心配しているが、Bは心配していない
3 Aは来る時間と場所を分けることを、Bは少人数で少しずつ受け入れることを提案している
4 Aは予約制に反対し、Bは賛成している

Một cặp bài nữa · Bài A Bài A của cặp 2: một giảng viên viết về học trực tuyến.

大学の授業がオンラインで受けられるようになり、学び方は大きく変わった。録画された講義なら、わからないところを何度でも見直せるし、通学の時間も要らない。アルバイトや家族の世話で忙しい学生にとっては、学び続けるための大切な手段だ。地方に住んだまま、都会の大学の講義を受ける人もいる。

一方で、一人で画面に向かっていると、集中が続かないという声もある。画面の向こうの先生からは、学生の表情も見えにくい。自分で計画を立てる力があれば、オンラインの授業は教室に劣(おと)らない学びの場になるだろう。

Một cặp bài nữa · Bài B Bài B của cặp 2: một sinh viên viết về cái hay của học ở lớp.

教室での授業のよさは、隣に座る人がいることだと思う。先生の話の途中で友達と目が合い、「今の、わかった？」と小声で確かめる。授業のあとに残って、答えの出ない話を続ける。先生が通りかかって、話に加わってくれることもある。そうした時間から、一人では思いつかない考えが生まれる。

もちろん、録画を見直せるオンラインの便利さは認める。わたし自身(じしん)、試験前には何度も助けられた。ただ、集中を保つのが難しいなら、教室という場所の力を借りればいい。

4 Aの筆者が挙げているオンライン授業のよい点はどれか。

1 友達と小声で確かめ合えること
2 わからないところを何度も見直せること
3 一人でも集中が続くこと
4 先生に直接質問できること

---

5 AとBで共通して述べられていることは何か。

1 教室では、友達と相談しながら学べる

2 忙しい学生は、オンラインで学ぶしかない

3 オンラインの授業は、教室の授業より優れている

4 オンラインには、録画を見直せるという利点がある

---

6 集中が続かないことについて、AとBはどのように述べているか。

1 Aは自分で計画を立てる力が大切だと考え、Bは教室で学べばいいと考えている

2 AもBも、オンラインの授業はやめるべきだと考えている

3 Aは教室で学ぶべきだと考え、Bは自分で計画を立てればいいと考えている

4 Aは問題ないと考え、Bはこの点に触(ふ)れていない

BÀI 10 · ĐỌC HAI BÀI A, B

Hai ý kiến trái chiều

6 câu · khoảng 24 phút

Đúng ____/6

Mẹo của Hine · Kiểm từng nửa của lựa chọn

Câu hỏi dạng AとBは〜についてどのように述(の)べているか cho bốn lựa chọn hai nửa: "A cho rằng..., B cho rằng...". Bẫy hay gặp là một nửa đúng, nửa kia sai, hoặc hai nửa đúng nhưng bị đổi chỗ cho nhau. Tìm câu nêu lập trường của mỗi bài trước, rồi mới kiểm.

1. Câu nêu lập trường: 〜に賛成(さんせい)だ (tán thành), 〜には反対(はんたい)だ (phản đối), 〜とは限(かぎ)らない (chưa chắc).
2. Lựa chọn dạng "A cho rằng..., B cho rằng...": kiểm từng nửa với từng bài.

Cặp bài · làm thêm · Bài A Bài A của cặp 1: một giảng viên tán thành sinh viên đi làm thêm nhiều.

学生のうちにアルバイトをたくさん経験することに、わたしは賛成だ。教室では学べないことを、働く現場は教えてくれる。職場で年上の人と話す機会も、大学の中ではなかなか得られない。時間を守ること、お客様への言葉遣(ことばづか)い、失敗したときの謝(あやま)り方。どれも社会に出てから必ず役に立つ。自分で稼(かせ)いだお金で学費の一部を払えば、学ぶことへの真剣(しんけん)さも変わってくるだろう。働いた経験は、就職活動の面接で話す材料にもなる。もちろん授業を休んでまで働くのは本末転倒だが、時間を上手に使えば、勉強との両立は十分にできる。

Cặp bài · làm thêm · Bài B Bài B của cặp 1: một sinh viên năm cuối phản đối chuyện làm thêm quá nhiều.

学生がアルバイトに多くの時間を使うことには、反対だ。週に二十時間以上働く学生の中には、授業中に眠ってしまったり、課題を出せなかったりする人も少なくない。疲れて図書館に寄る元気もなく、家に帰って寝るだけの毎日になってしまうのだ。働くことで学べることがあるのは確かだ。しかし、一冊(いっさつ)の本にじっくり向き合ったり、答えのない問いを友人と議論したりできるのは、学生の時期だけである。生活のために働かざるを得ない学生がいるなら、必要なのは本人の努力ではなく、奨学金(しょうがくきん)を増やすことだろう。

1 Aの筆者がアルバイトに賛成する理由はどれか。

1 学費を全部自分で払うべきだから
2 授業より仕事のほうが大切だから
3 働く現場で、社会に出てから役に立つことが学べるから
4 教室の授業には、意味がないから

2 AとBで共通して述べられていることは何か。

1 時間を上手に使えば、勉強との両立ができる
2 働くことから学べることがある
3 奨学金(しょうがくきん)を増やすべきだ
4 学生は、週に二十時間以上働くべきではない

3 アルバイトについて、AとBはどのように述べているか。

1 Aは学費のために働くべきだと考え、Bは生活のために働く学生を批判している
2 AもBも、アルバイトは時間の無駄(むだ)だと考えている
3 Aは授業より仕事を大切にすべきだと考え、Bは奨学金(しょうがくきん)に反対している
4 Aは勉強と両立できると考え、Bは学生の時期にしかできないことを優先すべきだと考えている

Cặp bài · làm việc tại nhà · Bài A Bài A của cặp 2: một nhân viên công ty tán thành làm việc tại nhà cả tuần.

週に五日とも在宅勤務にすることに、わたしは賛成だ。片道一時間の通勤がなくなれば、一日に二時間を自分のために使える。子育てや介護をしながら働く人にとって、この差は大きい。満員電車で疲れ切ってから仕事を始めることもなくなる。会議も資料の共有も、今はオンラインで問題なくできる。必要なときに画面で顔を合わせれば、相談も十分にできる。会社に行く日を決めてしまうと、結局その日に合わせて住む場所も選ばなければならなくなる。働く場所を完全に自由にしてこそ、在宅勤務の良さは生きるのだ。

Cặp bài · làm việc tại nhà · Bài B Bài B của cặp 2: một trưởng nhóm đồng ý một phần với làm việc tại nhà.

在宅勤務には賛成だが、誰(だれ)にでも合うとは限らない。一人暮らしで部屋が狭(せま)い人や、入社したばかりで仕事を覚えている途中の人には、家での仕事はかえって負担になることがある。新人が先輩の電話の受け答えを横で聞いて学ぶような機会も、画面越しでは生まれにくい。雑談から生まれる小さなアイデアも、同じ部屋にいるからこそだ。通勤の負担が減ることは、大きな利点だと思う。だからこそ、全員を同じ形にそろえるのではなく、週に何日家で働くかを一人一人が選べるようにするべきだ。

4 Aの筆者の主張はどれか。

1 毎日在宅勤務にしてこそ、その良さが生きる
2 会議は、会社に集まって行うべきだ
3 子育てをしている人だけ、在宅勤務にすべきだ
4 会社の近くに住むべきだ

5 在宅勤務について、AとBで共通している考えはどれか。

1 全員が週に五日、家で働くべきだ

2 新人には、家での仕事が負担になることがある

3 通勤がなくなることは、よい点だ

4 会議は、オンラインでは難しい

---

6 在宅勤務の日数について、AとBはどのように述べているか。

1 AもBも、全員が毎日家で働くべきだと考えている

2 Aは毎日にすべきだと考え、Bは人によって選べるようにすべきだと考えている

3 Aは週に何日か会社に行くべきだと考え、Bは毎日家で働くべきだと考えている

4 Aは日数を一人一人が選ぶべきだと考え、Bは会社が決めるべきだと考えている

CHẶNG 5

Bài dài nêu chủ trương (主張理解)

Bài 11	Bài luận khoảng 900 chữ	Đánh số đoạn, tìm đoạn chủ trương
Bài 12	Ý người viết và ý người khác	Ai đang nói câu này?
Bài 13	Đọc báo, tạp chí	Tin, ý dẫn, hay ý người viết?
Ôn 3	Ôn 3 · Một cặp bài, một bài dài	Bảy mẹo hai dạng mới

BÀI 11 · BÀI DÀI NÊU CHỦ TRƯƠNG (主張理解)

Bài luận khoảng 900 chữ

3 câu · khoảng 13 phút

Đúng ____/3

Mẹo của Hine · Đánh số đoạn, tìm đoạn chủ trương

Bài dài khoảng 900 chữ thường có sáu, bảy đoạn. Đọc một mạch thì tới đoạn bốn đã quên đoạn một. Đánh số đoạn trước, mỗi đoạn ghi một dòng bên lề: lúc trả lời bạn nhìn lề, không phải đọc lại cả bài.

1. Đánh số đoạn 1, 2, 3... ngay trên đề; đọc xong đoạn nào ghi một dòng cho đoạn đó.
2. Bài dài không cần hiểu từng câu: mỗi đoạn một ý là đủ.
3. Chủ trương hay nằm ở đoạn gần cuối, sau ～のではないか, ～べきだ, ～と考(かんが)える.
4. Đoạn đầu thường chỉ kể chuyện hay dẫn ý người khác — đừng chọn nó làm ý người viết.

Bài luận Bài luận trên một tạp chí giáo dục: có máy dịch rồi, còn học ngoại ngữ làm gì.

スマートフォンに話しかけるだけで、外国語がすぐに訳される時代になった。旅行先で道を尋(たず)ねるのも、レストランで注文するのも、今では翻訳(ほんやく)アプリがあれば困らない。仕事のメールでさえ、機械に訳させてから少し直すだけという人も増えている。

そのため、「もう時間をかけて外国語を学ぶ必要はない」という声をよく耳にする。確かに、単語や文法を覚えるには何年もかかる。その時間をほかのことに使ったほうがいいと考えるのも、無理(むり)はない。

実際、機械翻訳(きかいほんやく)の精度はここ数年で大きく上がった。短い文なら、人が訳したものと区別がつかないことも多い。わたし自身(じしん)、外国の資料を読むときには、まず機械に訳させている。

しかし、言葉は意味を運ぶだけの道具ではない。同じ「ありがとう」でも、言い方や間の取り方で、相手に伝わる気持ちは変わる。機械は文を正しく置き換(か)えることはできても、その場の空気までは訳してくれない。

学生時代、わたしは留学先で下宿の主人と毎晩のように話した。最初は辞書を引きながらの会話だったが、言い間違えるたびに笑い合い、少しずつ相手の考え方がわかるようになった。あの時間がなければ、その国を本当に好きになることはなかっただろう。

機械翻訳(きかいほんやく)があっても、外国語を学ぶ意味はある。それは、言葉を通して相手の文化や考え方に近づくことができるからだ。道具に任せるところは任せ、人と人が向き合う場面では自分の言葉で話すべきではないか。

完璧(かんぺき)に話せる必要はない。下手でも相手の言葉で「こんにちは」と言えば、相手の表情はきっと変わる。その小さな変化こそが、外国語を学ぶ楽しさなのだと思う。

注 精度(せいど) độ chính xác　間(ま) khoảng lặng, nhịp ngừng khi nói　下宿(げしゅく) nhà trọ (ở trọ nhà người ta)

1 筆者は、機械翻訳(きかいほんやく)についてどのように述べているか。

1 短い文でも、まだ間違いが多い

2 仕事のメールには使うべきではない

3 精度が上がり、筆者自身(じしん)も使っている

4 その場の空気まで正しく訳せる

---

2 「その場の空気までは訳してくれない」とあるが、どういうことか。

1 機械は、言い方や間が伝える気持ちまでは訳せない

2 機械は、長い文を正しく訳すことができない

3 機械は、静かな場所でしか使えない

4 機械は、「ありがとう」という言葉を訳せない

---

3 この文章で、筆者の考えに合うのはどれか。

1 機械翻訳(きかいほんやく)が進んだので、外国語を学ぶ時間はほかのことに使うべきだ

2 外国語は、完璧(かんぺき)に話せるようになるまで使わないほうがいい

3 外国語を学ぶなら、留学して下宿で暮らすべきだ

4 機械に任せられることは任せ、人と向き合う場面では自分の言葉で話すほうがいい

BÀI 12 · BÀI DÀI NÊU CHỦ TRƯƠNG (主張理解)

Ý người viết và ý người khác

5 câu · khoảng 19 phút

Đúng ____/5

Mẹo của Hine · Ai đang nói câu này?

Bài luận N2 hay dẫn ý người khác trước, nói nghe rất có lý, rồi mới phản bác. Lựa chọn sai thường chép đúng ý người khác đó. Trước khi chọn, hỏi mình: câu này là của người viết, hay của người mà người viết đang bác?

1. Sau ～という意見(いけん)もある (cũng có ý kiến...), ～と言(い)われる (người ta nói...) là ý người khác.
2. Sau しかし, むしろ, すなわち là ý người viết; câu với ～にほかならない (chính là) là câu chốt.
3. Lựa chọn nào trùng với câu đứng TRƯỚC しかし: gần như chắc là ý người viết đã bác.

Bài luận Bài luận trên trang giáo dục của một tờ báo: học nhanh hay học chậm.

試験の前になると、単語帳を片手に一晩で何百もの言葉を覚えようとする学生は少なくない。最近は、短時間で大量の単語を覚えられるというアプリも人気だ。机(つくえ)の上に問題集を積み上げ、「一日百語」と書いた紙を壁に貼(は)る人もいる。

「早く覚えればいい」という意見もある。覚える方法は何でもよく、結果として試験に合格できれば十分だというのである。忙しい社会人にとって、効率を求めるのは当然だとも言われる。実際、そうして短期間で試験に受かった人も少なくない。

しかし、急いで覚えた言葉は、急いで忘れていく。試験の翌週(よくしゅう)に同じ単語帳を開いてみると、半分も思い出せないという経験は、誰(だれ)にでもあるだろう。早く覚えたことは、早く身(み)についたことと同じではない。覚えた数だけを見て安心していると、実際に使う場面で言葉が出てこない。

言葉が本当に自分のものになるのは、何度も出会い、使ってみて、時には間違えたあとである。本の中で一度、人との会話で一度、自分で書いた文の中で一度。そうして少しずつ、その言葉の意味の幅(はば)がわかってくる。辞書の訳語を一つ覚えただけでは、言葉を知ったことにはならないのである。

もちろん、覚える速さに意味がないわけではない。基礎(きそ)の単語を早い時期にまとめて覚えておけば、読める文章が増え、学ぶのが楽しくなる。最初の数か月は、速さが力になる時期でもある。

ただ、速さを目的にしてしまうと、学びは数を競(きそ)うだけのものになる。一日に何語覚えたかではなく、一つの言葉をどれだけ深く知っているかが大切なのだ。百の言葉を浅く知るより、十の言葉を自由に使えるほうが、話す力になる。

言葉を学ぶとは、すなわち時間をかけて言葉と付き合うことにほかならない。むしろ、時間をかけることに価値がある。遠回りに見える道が、結局はいちばん確かな近道なのである。

注 単語帳(たんごちょう) sổ từ vựng　身(み)につく thấm vào người, thành của mình　幅(はば) bề rộng (ở đây: nghĩa rộng tới đâu)

1 「早く覚えればいい」という意見について、筆者はどう考えているか。

1 その通りで、試験に合格できれば方法は何でもよい
2 急いで覚えたことは忘れやすく、身(み)についたとは言えない
3 社会人は忙しいので、アプリを使うべきだ
4 単語帳は試験の前だけ使うのがよい

2 筆者によると、言葉が自分のものになるのはいつか。

1 単語帳で一晩に何百語も覚えたとき
2 試験に合格したとき
3 基礎(きそ)の単語をまとめて覚えたとき
4 何度も出会って使い、間違えることもあったあと

3 筆者が最も言いたいことは何か。

1 覚える速さには、まったく意味がない
2 基礎(きそ)の単語は、できるだけ早く覚えるべきだ
3 言葉を学ぶには、時間をかけて付き合うことに価値がある
4 一日に覚える単語の数を決めておくべきだ

Đoạn luyện Đoạn ý kiến trong một cuốn sách về cách học ngoại ngữ: học một mình hay học cùng bạn.

語学は一人で勉強するほうが効率がよいと言われる。自分のペースで進められ、苦手なところに時間を使えるからだ。誰(だれ)にも気を使わず、好きな時間に机(つくえ)に向かえるのも一人で学ぶよさだ。仲間と学ぶと話が横道にそれて、かえって時間がかかるという意見もある。

しかし、言葉は本来、人に向けて使うものである。一人で覚えた表現が本当に通じるかどうかは、誰(だれ)かに使ってみるまでわからない。仲間に間違いを笑われた表現ほど、不思議と忘れないものだ。

一人で学ぶ時間も必要だが、それは人と話すための準備に過ぎない。語学の本番は、むしろ仲間と言葉を交わす時間のほうにある。教科書を閉じて、今日覚えた一言を誰(だれ)かに言ってみる。そこから本当の勉強が始まる。

4 筆者とは違う意見として紹介されているのはどれか。

1 仲間と学ぶと、かえって時間がかかる
2 言葉は人に向けて使うものだ
3 笑われた表現ほど忘れない
4 語学の本番は仲間と話す時間だ

5 筆者の考えに最も近いものはどれか。

1 語学は、一人で勉強するほうが効率がよい

2 一人で学ぶ時間は、まったく必要ない

3 一人の勉強は準備で、大切なのは仲間と言葉を使う時間だ

4 仲間と学ぶときは、間違えないように気をつけるべきだ

BÀI 13 · ĐOẠN VỪA

Đọc báo, tạp chí

5 câu · khoảng 21 phút

Đúng ____/5

Mẹo của Hine · Tin, ý dẫn, hay ý người viết?

Văn báo viết bằng giọng rất chắc, nên dễ đọc nhầm dự đoán thành sự thật, ý người được phỏng vấn thành ý người viết. Đề N2 đặt cả hai loại nhầm ấy vào bốn lựa chọn.

1. Đọc tiêu đề và câu đầu trước, tự đoán bài nói gì; đọc xong thì tự tóm trong 2 câu.
2. Văn báo: 〜とみられる (được cho là), 〜とされる (được coi là), 〜によると (theo...) là thông tin người viết dẫn, chưa chắc là ý người viết.
3. Xã luận thì câu cuối là ý của toà soạn.

Tin báo Tin trên trang kinh tế của tờ báo ông Yamada để lại: khách nước ngoài tới Nhật tăng.

訪日客、今年も増加　過去最多の見通し

国の調査によると、今年1月から9月までに日本を訪れた外国人旅行者は、前年の同じ時期より約1割増えた。訪日客は過去最多になるとみられる。特に増えているのは東南アジアからの旅行者で、円安や航空便の増加が理由とされる。中でも、地方の温泉地や小さな町を訪れる人が目立つという。

一方、人気の観光地では、混雑(こんざつ)による住民への影響(えいきょう)も問題になっている。一部の町では、観光客から料金を取る制度を検討しているという。住民からは「朝のバスに乗れない」という声も上がっている。専門家(せんもんか)は「地方の魅力(みりょく)を伝え、旅行者を分散させることが必要だ」と話している。国は来年、地方の空港を使う旅行者への支援(しえん)を広げる方針だ。

注 訪日客(ほうにちきゃく) khách nước ngoài tới Nhật　見通し(みとお)し dự báo, triển vọng　分散(ぶんさん) tản ra, phân tán

1 この記事の内容と合うものはどれか。

1 訪日客は今年、過去最多になることが決まった
2 訪日客が増える一方で、混雑(こんざつ)に困る町もある
3 東南アジアからの旅行者は減っている
4 観光客から料金を取る制度が始まった

2 記事によると、東南アジアからの旅行者が増えた理由とされているのは何か。

1 地方の空港への支援(しえん)
2 観光地の混雑(こんざつ)
3 観光客から料金を取る制度
4 円安と航空便の増加

Xã luận Bài xã luận của cùng tờ báo: làm việc quá giờ.

社説　長時間労働を「当たり前」にするな

働き方を見直す動きが広がって、数年がたつ。残業時間に上限が設けられ、夜遅くまで明かりのつくオフィスは減った。

だが、問題が解決したとは言えない。最近の調査によると、会社を早く出ても、家に仕事を持ち帰る人が増えているとされる。記録に残らない残業は、数字の上では見えない。

背景には、仕事の量は変わらないのに、時間だけを減らそうとする会社の姿勢（しせい）がある。人を増やさず、仕事の進め方も変えないまま「早く帰れ」と言うだけでは、働く人の負担は形を変えて残るだけだ。若い社員の中には、上司（じょうし）が残っていると帰りにくいと感じる人も多いという。仕事が終わっていても、周（まわ）りの目を気にして席を立てないのである。

長く働くことを熱心さの証と見る考え方は、今も根強（ねづよ）い。しかし、疲れた頭で長時間机（つくえ）に向かっても、よい仕事ができるとは限らない。残業が続けば体を壊（こわ）す人も出るし、家族と過ごす時間も失われる。

必要なのは、時間の数字を減らすことではなく、仕事そのものを減らす工夫だ。会議を短くする、書類を減らす、任せられる仕事は任せる。一つ一つは小さくても、積み重ねれば大きな差になる。早く帰った人が評価される職場になって、初めて働き方は変わる。会社は、社員が本当に早く帰れる仕組みを作るべきである。

3 この社説で、問題が解決したとは言えないとしているのはなぜか。

1 残業時間の上限がまだ決まっていないから
2 夜遅くまで明かりのつくオフィスが増えたから
3 会社を早く出ても、家で仕事をする人が増えているから
4 若い社員が早く帰りたがらないから

4 この社説の考えに合うものはどれか。

1 会社は時間だけでなく、仕事の量そのものを減らす工夫をすべきだ
2 長く働くのは、熱心さの証である
3 社員は上司（じょうし）より先に帰るべきではない
4 家に仕事を持ち帰れば、早く帰ってもよい

Bài tạp chí Bài trên một tạp chí du lịch: người trẻ thích du lịch một mình.

「ひとり旅」が若者に人気のわけ

週末、一人で電車に乗り、知らない町を歩く。そんな「ひとり旅」を楽しむ若者が増えている。ある旅行会社によると、一人で申し込むツアーの利用者は、ここ数年で大きく伸びたという。特に二十代の利用が多く、週末の一泊二日の旅が中心だ。

人気の理由の一つは、気楽さだ。行き先も食事も、誰(だれ)にも気を使わずに自分で決められる。二十代の会社員の女性は、「予定を合わせる必要がないので、思い立った日に出かけられる」と話す。疲れたら宿で休み、気に入った町には一日長くいてもいい。

ただ、若者がひとり旅に求めているのは、気楽さだけではないようだ。取材で話を聞いた多くの人が、「旅先で地元の人と話せたのがいちばんの思い出」と答えた。一人だからこそ、店の人や隣の席の客に話しかけやすいのだという。地図を見ながら道を尋(たず)ねると、思いがけず店を紹介してもらえることもある。宿の中には、一人客どうしが食事をしながら話せる部屋を用意するところも出てきた。

ひとり旅は、一人になるための旅ではなく、新しい出会いを求める旅なのかもしれない。

5 この記事で筆者が最も伝えたいことは何か。

1 ひとり旅のよさは、予定を誰(だれ)とも合わせずに済むことだ
2 若者はひとり旅で、旅先での新しい出会いも求めている
3 ひとり旅は、安く旅行できるので人気だ
4 若者は一人で静かに過ごす時間を求めている

ÔN 3 · TRỘN

Ôn 3 · Một cặp bài, một bài dài

5 câu · khoảng 25 phút

Đúng ____/5

Mẹo của Hine · Bảy mẹo hai dạng mới

Sai câu nào thì xem lại đúng mẹo của dạng đó.

Bài A Bài A: một giáo viên trung học viết trên báo về đồng phục học sinh.

わたしは学校の制服には賛成だ。毎朝何を着るか迷わずに済み、その分の時間をほかのことに使える。また、家庭によって服にかけられるお金は違うが、制服ならその差が目立たない。生徒が服装のことで傷(きず)つかずに済むのは、大きな利点である。

ただし、今の制服がこのままでいいとは思わない。夏の暑さは年々(ねんねん)厳しくなっており、厚い上着を着せ続けるのは無理(むり)がある。季節や天気に合わせて、生徒が自分で選べる部分があってもいいのではないか。

Bài B Bài B: một phụ huynh viết vào mục ý kiến bạn đọc của cùng tờ báo.

中学校の制服はやめて、私服で通えるようにすべきだと思う。毎朝服を選ぶことは、天気やその日の予定を考えて、自分で決める練習になる。それに、制服は一式そろえると驚くほど高い。体が大きくなる時期の子どもには、すぐに合わなくなってしまう。

もちろん、服のことで友達と比べ合う心配があることはわかる。せめて、暑い日や寒い日には、自分で服を調整(ちょうせい)できるようにしてほしい。

1 AとBのどちらにも述べられていることは何か。

1 制服をやめて、私服で通うべきだ
2 制服なら、家庭による服の差が目立たない
3 暑さや寒さに合わせて、生徒が自分で調整(ちょうせい)できるほうがいい
4 服を選ぶことは、自分で考える練習になる

2 制服について、AとBはどのように述べているか。

1 AもBも、今の制服のままでいいと考えている
2 Aは生徒が傷(きず)つかないことを理由に賛成し、Bは値段の高さなどを理由に反対している
3 Aは値段が高いことを理由に反対し、Bは服の差が目立たないことを理由に賛成している
4 Aは制服に反対し、Bは意見を述べていない

Bài luận Bài luận trên một tạp chí kinh tế: hàng đặt hôm nay, mai đã tới.

インターネットで注文した品物が、翌日(よくじつ)には玄関(げんかん)に届く。十年ほど前には驚かれたこのサービスも、今では当たり前になった。忙しい人にとっては、店に行く時間が省けるありがたい仕組みだ。

「便利なものは、どんどん使えばいい」という意見もある。早く届けば客は喜び、店の売り上げも伸びる。誰(だれ)も損をしないように見える。

しかし、その速さを支えているのは、配達をする人たちである。荷物の数は年々(ねんねん)増え続けているのに、運ぶ人は足りない。留守で受け取ってもらえず、同じ家に二度、三度と運ぶことも珍しくない。夜遅くまで走り回る配達員の姿(すがた)は、便利さの裏側(うらがわ)と言える。

もちろん、急いで必要なものもある。薬や仕事の道具が翌日(よくじつ)に届くのは助かる。だが、本や服まで、すべてを明日届けてもらう必要があるだろうか。多くの場合、数日待っても困ることはないはずだ。

速さは、誰(だれ)かの負担の上に成り立っている。急がないものは「急がない」と選ぶこと。一度で受け取れるように時間を指定すること。使う側のそうした小さな配慮(はいりょ)こそが、この便利な仕組みを長く続けるために必要なのではないだろうか。

便利さを手放す必要はない。ただ、その速さが当たり前ではないことを、時々(ときどき)思い出したい。

注 裏側(うらがわ) mặt sau, phía sau　配慮(はいりょ) sự quan tâm, nghĩ cho người khác

3 「便利さの裏側(うらがわ)」とあるが、どういうことか。

1 店の売り上げが減ってしまうこと
2 配達する人が足りず、夜遅くまで働いていること
3 品物が翌日(よくじつ)に届かないこと
4 客が店に行かなくなったこと

4 筆者は、翌日(よくじつ)に届くサービスについてどう考えているか。

1 急いで必要なものには助かるが、すべてに使う必要はない
2 薬や仕事の道具にも使うべきではない
3 便利なので、どんどん使えばいい
4 配達員を減らすために、なくすべきだ

5 この文章で筆者が最も言いたいことは何か。

1 便利なサービスは、すぐにやめるべきだ

2 店は配達員をもっと増やすべきだ

3 速い配達のおかげで、誰(だれ)も損をしない

4 使う側が急がないものを選ぶなどの配慮(はいりょ)をすることが大切だ

CHẶNG 6

Tìm thông tin (情報検索)

Bài 14	Thông báo tuyển dụng, hướng dẫn nhiều điều kiện	Gạch điều kiện trước, dò tờ sau
Bài 15	Bảng phí, lịch và người được nhận	Mỗi ～に　かぎり là một điều kiện

BÀI 14 · TÌM THÔNG TIN

Thông báo tuyển dụng, hướng dẫn nhiều điều kiện

4 câu · khoảng 16 phút

Đúng ____/4

Mẹo của Hine · Gạch điều kiện trước, dò tờ sau

Tờ tìm thông tin N2 dài khoảng 700 chữ, nhưng mỗi câu hỏi chỉ cần hai, ba dòng trong đó. Câu hỏi hay gặp là ～さんがしなければならないことはどれか: người trong câu hỏi có điều kiện riêng (ở đâu, phụ trách gì, đi tàu bao nhiêu tiền). Gạch những điều kiện ấy trước, rồi dò đúng dòng.

1. Đọc câu hỏi trước, gạch điều kiện của người trong câu hỏi (tuổi, ngày, đã có gì).
2. Dòng ※ và ただし hay đổi đáp án: luôn đọc tới chúng.
3. 以上(いじょう) (từ… trở lên) gồm cả số đó, 未満(みまん) (chưa đến) không gồm.

Tờ hướng dẫn buổi học trước khi vào công ty

Tờ phòng nhân sự công ty du lịch gửi qua email cho người được báo trúng tuyển, ông Mori ký.

内定者の皆様へ

入社前研修のご案内

来年4月の入社に向けて、下記のとおり入社前研修を行います。研修は全部で3回です。第1回と第2回は、内定者全員が対象（たいしょう）です。研修の内容は、回ごとに異なります。第3回は、入社後に外国語での案内を担当する予定の方のみ参加してください。

第1回は本社の会議室で行います。ただし、本社から100キロ以上離れた地域にお住まいの方は、オンラインで参加することもできます。オンラインで参加する方は、11月30日までにメールでお知らせください。

本社までの交通費は会社が負担します。ただし、片道の運賃が1,000円未満の方は対象外（たいしょうがい）となりますので、ご了承（りょうしょう）ください。交通費を請求（せいきゅう）する方は、当日、受付で申請書（しんせいしょ）を受け取ってください。

当日は、筆記用具と事前課題を必ず持参してください。服装は自由ですが、第3回はお客様役の社員と話す練習があるため、スーツでお越しください。第1回は昼食を会社で用意しますので、お弁当を持ってくる必要はありません。

回	日時	場所	対象（たいしょう）
第1回	12月15日（土）10:00〜16:00	本社	全員
第2回	1月19日（土）10:00〜12:00	オンライン	全員
第3回	2月16日（土）13:00〜17:00	本社	外国語案内の担当予定者

※出席できない場合は、事前に連絡すること。

※事前課題は、12月3日にメールでお送りします。第1回までに済ませておいてください。

※第2回のオンライン研修の接続先は、開催の一週間前にお知らせします。

人事部　森

1 内定者のチャンさんは、入社後に外国語での案内を担当する予定で、本社まで電車で片道30分、480円のところに住んでいる。チャンさんがしなければならないことはどれか。

1 第1回にオンラインで参加し、11月30日までにメールで知らせる
2 第1回から第3回まで参加し、交通費を請求（せいきゅう）する
3 第1回と第2回だけに参加する
4 第1回から第3回まで参加し、事前課題を持っていく

2 研修を休む場合、どうしなければならないか。

1 研修の前に連絡する
2 研修のあとで事前課題を送る
3 次の回にオンラインで参加する
4 当日、受付で申請書を受け取る

Tờ tuyển cộng tác viên dịch cho tour Tờ tuyển cộng tác viên dịch cho các tour cuối tuần, dán ở phòng việc làm của trường.

ツアー通訳スタッフ募集

外国人のお客様をご案内するツアーで、通訳をしてくださる方を募集します。ツアーは土曜日・日曜日・祝日のみで、平日の仕事はありません。

応募できるのは、18歳以上で、日本語能力試験N2以上に合格している方です。英語、中国語、ベトナム語のいずれかで案内ができることも条件です。経験は問いません。初めての方には、先輩スタッフが一度同行します。応募の締め切りは、12月20日です。

謝礼は、ツアーの種類によって下の表のとおりです。一回のツアーのお客様は、多くても20名までです。集合は出発の30分前です。遅れる場合は、必ず担当者に電話してください。雨でもツアーは行います。ただし、台風などで中止になった場合は、前日の夕方までにご連絡します。前日に中止が決まった場合も、謝礼の半額をお支払いします。

ツアー	時間	謝礼
浅草半日ツアー	9:00〜13:00	5,000円
鎌倉一日ツアー	8:30〜17:30	8,000円
日光一日ツアー	7:30〜19:00	10,000円

※一日ツアーは昼食付きです。昼食が不要な方は、謝礼に1,000円を加えます。
※交通費は集合場所までの実費を支払います。ただし、一日2,000円までとします。
※応募は、学生の方は学校の就職課、それ以外の方はホームページからお願いします。

3 次の人のうち、このスタッフに応募できるのは誰か。

1 英語が話せる17歳の高校生
2 N3に合格した、ベトナム語が話せる20歳の大学生
3 N1に合格した、中国語が話せる25歳の会社員で、日曜日に参加できる
4 N2に合格した、英語が話せる22歳の留学生で、平日しか参加できない

4 鎌倉一日ツアーを担当し、昼食は自分で用意すると伝えた。交通費を除いて、もらえる謝礼はいくらか。

1 8,000円　2 9,000円　3 10,000円　4 11,000円

BÀI 15 · TÌM THÔNG TIN

Bảng phí, lịch và người được nhận

4 câu · khoảng 16 phút

Đúng ____/4

Mẹo của Hine · Mỗi ～に　かぎり là một điều kiện

Bảng phí trông như chỉ cần dò một hàng, nhưng các dòng chữ quanh bảng mới quyết định con số cuối cùng: ai được giảm, giảm theo thứ tự nào, ngày nào tính giá khác. Câu hỏi hay gặp là "phí là bao nhiêu" — và bốn lựa chọn là bốn cách tính sót một điều kiện.

1. ～に限り (chỉ riêng), ～を除き (trừ), ～の場合 (trường hợp...): mỗi chỗ là một điều kiện.
2. Tính tiền: viết phép tính ra giấy nháp, đừng tính nhẩm.
3. Câu hỏi hỏi một người hay cả nhóm? Gạch chữ ひとり hay ふたりで trước khi chọn.

Tờ tour tốt nghiệp　Tờ quảng cáo của một công ty du lịch Sato lấy ở ga: tour tốt nghiệp hai ngày một đêm.

卒業旅行プラン　箱根温泉1泊2日

卒業の記念に、友達と温泉でゆっくり過ごしませんか。東京駅から専用バスで出発し、一日目は美術館と湖の船、二日目は自由行動です。宿は湖を見下ろす旅館で、2～4名で一室をお使いいただきます。

料金は一人あたりの金額で、出発日の曜日によって異なります。料金には、バス代、宿泊費、一日目の夕食と二日目の朝食が含まれます。二日目の昼食と美術館の入館料は含まれません。美術館は学生証があれば半額になります。

学生に限り、料金が一割引になる。申し込みの際に学生証をご提示ください。3名以上でお申し込みの場合は、さらに一人1,000円引きとなります。割引は、まず学生割引を計算し、そのあとで人数の割引を引きます。例えば、学生3名で月曜日に出発する場合は、一人20,600円です。

出発日は2月4日から3月28日までです。ただし、2月11日を除き、祝日の前日は土曜日の料金となります。お申し込みは出発の14日前までに、窓口またはホームページでお願いします。

出発日	料金（一人）
月曜日～木曜日	24,000円
金曜日	27,000円
土曜日	32,000円
日曜日	25,000円

※出発日の7日前を過ぎてからの取り消しには、料金の20パーセントの取消料がかかります。
※前日と当日の取り消しは、料金の50パーセントとなります。
※3歳未満のお子様は無料です。

1 ヒネさんと佐藤さんは大学生で、2人で木曜日に出発したい。一人の料金はいくらになるか。

1 20,600円　2 21,600円　3 23,000円　4 24,000円

2 二人とも学生で、2人で申し込む。木曜日に出発すると、金曜日より一人いくら安くなるか。

1 2,700円　2 3,000円　3 5,400円　4 6,000円

Tờ lớp kính ngữ thương mại của quận Mục thông báo trên tờ tin của quận: lớp kính ngữ dùng trong công việc, mùa đông.

区民講座「はじめてのビジネス敬語」

電話の受け方やメールの書き方など、仕事で使う敬語を基礎から学ぶ講座です。少人数のクラスで、一人ずつ話す練習の時間もあります。来年春から働き始める方や、敬語に自信がない方にお勧めします。講師は、長年ホテルで社員教育を担当してきた方です。

講座は全6回で、1月から2月の毎週水曜日、午後7時から8時半までです。第3回を除き、区民センター本館2階で行います。第3回は講師の都合により、オンラインでの開催となります。定員は30名で、申込多数の場合は抽選となります。抽選の結果は、12月下旬にはがきでお知らせします。

受講料は全6回の合計で、下の表のとおりです。教材費は受講料に含まれます。欠席した回の資料は、次の回にお渡しします。受講料は、第1回の当日に受付でお支払いください。申し込みは12月14日までに、区役所の窓口またははがきでお願いします。

区分	受講料（全6回）
一般	4,000円
区内在住・在勤の方	3,000円
学生	2,000円

※区内にお住まいの65歳以上の方は、受講料が無料です。
※学生料金は、区内・区外にかかわらず同じです。申し込みの際に学生証のコピーを添えてください。
※一度納めた受講料は、講座が中止になった場合を除き、お返しできません。

3 受講料が無料になるのは誰か。

1 区外に住んでいる70歳の男性
2 区内の会社に勤めている66歳の女性
3 区内に住んでいる68歳の女性
4 区内に住んでいる20歳の大学生

4 この講座について、正しいものはどれか。

1 講座は全部、区民センターの本館で行われる
2 第3回だけは、オンラインで行われる
3 申し込んだ人は、全員受講できる
4 都合が悪くなれば、受講料を返してもらえる

ĐÁP ÁN · CHẶNG 4–6

Lời giải từng câu và bản dịch: mở bài tương ứng ở hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/

Bài 9 So sánh hai bài A và B hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/so-sanh-hai-bai-a-va-b/	1 **4**	2 **1**	3 **3**	4 **2**	5 **4**	6 **1**
Bài 10 Hai ý kiến trái chiều hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/hai-y-kien-trai-chieu/	1 **3**	2 **2**	3 **4**	4 **1**	5 **3**	6 **2**
Bài 11 Bài luận khoảng 900 chữ hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/bai-luan-khoang-900-chu/	1 **3**	2 **1**	3 **4**			
Bài 12 Ý người viết và ý người khác hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/y-nguoi-viet-va-y-nguoi-khac/	1 **2**	2 **4**	3 **3**	4 **1**	5 **3**	
Bài 13 Đọc báo, tạp chí hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/doc-bao-tap-chi/	1 **2**	2 **4**	3 **3**	4 **1**	5 **2**	
Ôn 3 Ôn 3 · Một cặp bài, một bài dài hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/on-3-mot-cap-bai-mot-bai-dai/	1 **3**	2 **2**	3 **2**	4 **1**	5 **4**	
Bài 14 Thông báo tuyển dụng, hướng dẫn nhiều điều kiện hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/thong-bao-tuyen-dung-huong-dan-nhieu-dieu-kien/	1 **4**	2 **1**	3 **3**	4 **2**		
Bài 15 Bảng phí, lịch và người được nhận hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/bang-phi-lich-va-nguoi-duoc-nhan/	1 **2**	2 **1**	3 **3**	4 **2**		

HỌC TIẾP TRÊN HINELEARN.COM

Dạng nào yếu, *ôn đúng bài đó*

Khoá **Luyện đọc hiểu N2** miễn phí, 28 bài, mỗi bài một dạng của đề. Chọn xong là thấy câu chứa đáp án trong bài sáng lên, mỗi lựa chọn sai có một dòng chỉ ra cái bẫy.

Đọc đoạn ngắn
Email, thông báo, đoạn ý kiến khoảng 200 chữ. Bẫy: ngoại lệ sau ただし, thông tin thêm sau なお, ý của người khác.

Đọc đoạn vừa
Bài văn, thư, nhật ký khoảng 500 chữ. Theo trình tự, tìm lý do.

Đọc hai bài A, B
Mỗi bài khoảng 300 chữ. Kẻ bảng hai cột, tìm ý chỉ có ở một bài.

Đọc đoạn dài
Bài luận khoảng 900 chữ, gần như không phiên âm. Câu chốt ở đoạn cuối, đừng chọn nhầm ý người khác.

Tìm thông tin
Tờ rơi, bảng giá, bảng giờ tàu. Chỉ tìm ô cần tìm, đọc dòng ※.

Chữ, từ vựng, ngữ pháp
Đếm từng nhịp, học từ theo cặp, câu ★ ghép trước đếm sau.

hinelearn.com/japanese/luyen-doc-hieu-n2/

Đề do hinelearn tự soạn theo dạng đề JLPT N2, không phải đề thi thật. In, photo, chia sẻ cho bạn học thoải mái — xin giữ nguyên tên hinelearn.